

TÒA ÁN NHA DA
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2025/HS-ST
Ngày 18-9-2025

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHA DA KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Các Hội thẩm nhA dA:

- Bà Nguyễn Thị Kim Yến.
- Ông Trần Hữu Hậu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Huệ, thư ký Tòa án nhA dA khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhA dA khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhA dA khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Tiết Ngọc H, sinh ngày 29 tháng 02 năm 1976, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi thường trú: Số B, Tổ H, Khu phố S, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Ht; trình độ văn hóa: 12/12; dA tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tiết Văn U (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); bị cáo có vợ tên: Lại Thị Thu H, sinh năm 1981 và có 02 con, lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự, nhA thA: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Trần Thị Ái A, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1988, tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: B39, Khu phố M, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dA tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1955; bị cáo chưa có chồng con;

tiền án, tiền sự, nhA thA: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Lê Văn H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1973, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố T, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 07/12; dA tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1944 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1946; bị cáo có vợ tên: Tạ Thị Minh T, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 2001 và nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự, nhA thA: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Vận tải H (sau đây viết tắt là Công ty H), địa chỉ: Số, khu phố M, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (MSDN: 3603462112) – nay là phường T, tỉnh Đồng Nai, là doanh nghiệp chuyên kinh doanh đá, cát, sỏi, đất sét. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tiết Ngọc H giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quá trình kinh doanh khoáng sản (đất san lấp) tại Mỏ đá T thuộc phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), Tiết Ngọc H đã bàn bạc, cấu kết cùng với Trần Thị Ái A (nhA viên Kế toán tổng hợp) và Lê Văn H (là người hợp tác kinh doanh với Tiết Ngọc Hòa) không ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không lập hóa đơn bán hàng và không kê khai, báo cáo thuế đúng với khối lượng, số tiền thực tế để trốn thuế, cụ thể như sau:

Ngày 25/11/2010, UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 3150/QĐ-UBND cấp phép cho Hợp tác xã A khai thác đá xây dựng đối với Mỏ đá T tại phường Tvà phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Tvà phường T, tỉnh Đồng Nai). Ngày 14/11/2018, UBND tỉnh Đồng Nai có Giấy phép khai thác khoáng sản số 4016/GP-UBND gia hạn hoạt động khoáng sản đối với Mỏ đá T, diện tích là 60 ha, phạm vi moong khai thác là 43 ha, vùng phụ trợ và khu chế biến là 17 ha, trữ lượng khai thác là 17.992.357 m³ đá nguyên khối, thời hạn khai thác đến ngày 30/4/2034, trữ lượng khai thác hằng năm là 1.000.000 m³ đá nguyên khối, loại khoáng sản khai thác là đá xây dựng. Ngày 23/5/2024, UBND tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 5881/UBND-KTN chấp thuận cho Hợp tác xã A thu hồi đất tăng phủ, đá phong hoá tại Mỏ đá T với trữ lượng là 550.132m³

đất san lấp (nguyên khối), 3.250.328m³ đá phong hoá (nguyên khối).

Hợp tác xã A hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 3601453458 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Biên Hoà cấp lần đầu ngày 21/01/2009, địa chỉ trụ sở tại số B, khu phố T, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); thay đổi lần thứ 20 ngày 11/6/2021, do ông Nguyễn Việt S (sinh năm 1962, trú tại số Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật.

Ngày 12/05/2011, Hợp tác xã A ký Hợp đồng kinh tế số 02/ HĐKT/AP-2011 với Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản và Sản xuất vật liệu xây dựng Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) có nội dung: Công ty Đ hợp tác với Hợp tác xã A khai thác, chế biến, tiêu thụ đất, đá xây dựng các loại trong diện tích 10,2044 ha tại Mỏ đá T, trị giá hợp đồng là 45.919.800.000 đồng. Ngày 02/01/2023, Hợp tác xã A và Công ty Đ tiếp tục ký Hợp đồng số 40/2023/HĐMB-AP-DDN với nội dung: Tính đến ngày 11/06/2021, Công ty Đ đã chuyển cho Hợp tác xã A số tiền là 71.400.000.000 đồng và tính đến ngày 31/12/2022, Hợp tác xã A đã bàn giao 15,8264 ha tại Mỏ đá T cho Công ty Đ cùng khai thác.

Tiết Ngọc H đã bàn bạc với Lê Văn H về việc góp vốn, sử dụng pháp nhân Công ty Ht để mua lại toàn bộ phần đất tầng phủ của Công ty Đ tại Mỏ đá T và được H đồng ý. Tiết Ngọc H và Lê Văn H thỏa thuận về việc góp vốn với tỷ lệ là 50:50, sử dụng máy móc, phương tiện của Công ty Ht để đào mức, vận chuyển đất để bán, sau đi trừ đi chi phí thì lợi nhuận sẽ chia đôi (thỏa thuận không lập thành văn bản).

Ngày 07/03/2022, Công ty Ht và Công ty Đ ký Hợp đồng số 07/03/2022/HĐKT/ĐĐN-HTP mua bán đất tầng phủ trong diện tích Mỏ đá T mà Công ty Đ được Hợp tác xã A giao khai thác, trị giá hợp đồng là 24.000.000.000 đồng/03ha; Công ty Ht có quyền đưa xe máy, thiết bị, phương tiện để thi công, khai thác lớp đất tầng phủ và chịu trách nhiệm về an toàn trong quá trình thi công, khai thác, vận chuyển đất theo hợp đồng, nếu Công ty Ht muốn khai thác thêm đất tầng phủ (ngoài diện tích 3 ha đã bàn giao) thì Công ty Đ sẽ thương thảo với Công ty Ht bằng một hợp đồng khác; Công ty Đ không được bàn giao hoạt động khai thác tại Mỏ đá T cho đơn vị khác.

Tiết Ngọc H và Lê Văn H thỏa thuận cùng nhau bán đất tầng phủ khai thác được từ Mỏ đá T theo hợp đồng mua bán đã ký kết với Công ty Đ, trong đó: Tiết Ngọc H sẽ chịu trách nhiệm bán loại đất san lấp sử dụng cho các công trình giao thông, công trình san lấp; Lê Văn H sẽ chịu trách nhiệm bán các loại đất không đủ điều kiện để thi công công trình san lấp, đất sét,... Quá trình giao dịch, Tiết Ngọc

Hòa và Lê Văn H đã thỏa thuận với khách hàng về việc không xuất hóa đơn hoặc xuất hóa đơn với giá thấp hơn giá bán, nhận thanh toán vào tài khoản cá nhân A để làm giảm số tiền thuế phải nộp.

Từ tháng 02 năm 2023 đến ngày 08/01/2025, Tiết Ngọc H đã giao và chỉ đạo cho Trần Thị Ái A (nhân viên kế toán tổng hợp của Công ty H) theo dõi toàn bộ hoạt động mua bán đất bao gồm thu, chi hàng ngày, tổng hợp các đơn hàng không xuất hóa đơn hoặc ghi hóa đơn với giá thấp hơn giá bán để chuyển cho Tiết Ngọc H và Lê Văn H đối chiếu để phân chia lợi nhuận; thuê và giao cho anh Lê Nhân D trực tiếp quản lý trong mỏ, theo dõi khối lượng đất đã bán ra để Trần Thị Ái A tổng hợp và báo cáo cho Tiết Ngọc H, Lê Văn H.

Hoạt động mua bán đất tại Mỏ đá T như sau: Khi xe ben vào mỏ mua đất thì anh Lê Nhân D có trách nhiệm đo kích thước thùng xe để xác định khối lượng đất có thể chở (đối với xe lần đầu vào mỏ mua đất), ghi Phiếu lấy hàng (có nội dung thể hiện loại đất, khối lượng, biển số xe) gồm 04 liên, anh D giữ lại 01 liên, giao cho tài xế xe ben 03 liên. Tài xế xe ben giữ lại 01 liên cho khách hàng, đưa 01 liên cho tài xế xe cuốc, đưa 01 liên bảo vệ khi xe vận chuyển đất ra khỏi mỏ). Đối với khách hàng mua lẻ thì anh Lê Nhân D được giao thu tiền mặt theo đơn giá do Tiết Ngọc Hòa, Trần Thị Ái A, Lê Văn H quy định và ghi vào sổ bán hàng nội dung là “bán lẻ”; đối với khách hàng của Tiết Ngọc H, Lê Văn H thì anh Lê Nhân D ghi thông tin vào sổ bán hàng (khách hàng, khối lượng đất, đơn giá bán, thành tiền). Cuối ngày, anh Lê Nhân D chụp hình sổ bán hàng và gửi cho Trần Thị Ái A qua ứng dụng Zalo. Tiết Ngọc Hòa chỉ đạo Trần Thị Ái A theo dõi khối lượng hàng hóa (đất) xuất bán, số tiền thu được và công nợ của khách hàng, tổng hợp số liệu gửi cho Tiết Ngọc H, Lê Văn H đối chiếu, tính toán chi phí khai thác, quản lý và phân chia lợi nhuận cho Tiết Ngọc H và Lê Văn H theo tỷ lệ 50:50. Trần Thị Ái A và Tiết Ngọc Hòa mở theo dõi riêng, không ghi chép vào sổ sách kế toán các khoản thu từ hoạt động “bán lẻ”. Chị Bùi Thị N (kế toán thuế của Công ty H) không biết về việc Tiết Ngọc H và Trần Thị Ái A để ngoài sổ sách kế toán các khoản thu trên.

Ngày 08/01/2025, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai đã kiểm tra hành chính tại Mỏ đá TA Cang 3 và Mỏ đá T, phát hiện Công ty Ht thực hiện hành vi có dấu hiệu trốn thuế nên đã thu giữ tài liệu, phương tiện, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSKT) Công an tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 09/01/2025, Tiết Ngọc H, Trần Thị Ái A và Lê Văn H đầu thú, khai nhận hành vi trốn thuế như đã nêu trên.

Trích xuất dữ liệu từ điện thoại di động và máy tính cá nhân của Trần Thị Ái A đã xác định: Từ tháng 2 năm 2023 đến tháng 12 năm 2024, Tiết Ngọc H,

Trần Thị Ái A và Lê Văn H đã bán tổng cộng 1.012.614 m³ đất tầng phủ, thu được tổng số tiền là 50.961.940.000 đồng (năm 2023 bán 759.818 m³, năm 2014 bán 252.823 m³). Tiết Ngọc H, Trần Thị Ái A và Lê Văn H đã thông đồng cùng nhau để ngoài sổ sách kế toán các khoản thu “bán lẻ”, không xuất hóa đơn hoặc xuất hóa đơn với giá thấp hơn giá bán, nhận thanh toán vào tài khoản cá nhân, không kê khai, báo cáo thuế đối với 88.461,5 m³ đất tầng phủ đã bán, trị giá hàng hóa là 9.745.270.000 đồng (năm 2023 không kê khai 5.413.580.000 đồng, năm 2024 không kê khai 4.331.690.000 đồng), làm giảm số tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty Ht phải nộp năm 2023 là 1.082.716.000 đồng; năm 2024 Công ty Ht chưa nộp tờ khai quyết toán thuế nên chưa xác định được số tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trốn. Ngày 27/3/2025, Công ty Ht kê khai thuế bổ đối với số tiền 4.331.690.000 đồng đã xuất bán hàng hóa năm 2024 và nộp bộ thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2024.

Kết luận giám định tư pháp số 04/KL-CCTKV.XV-DON ngày 21/3/2025 của Giám định viên tư pháp – Chi cục thuế khu vực XV đã xác định:

“...Công ty Cổ phần Vận tải H, MSDN: 3603462112, không lập hoá đơn bán hàng và không kê khai, báo cáo thuế đúng với khối lượng, số tiền thực tế xác định là hành vi trốn thuế.

- Năm 2023, số Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thiếu cho ngA sách nhà nước là 1.082.716.000 đồng

- Số tiền thuế TNDN năm 2023 đã trốn là 1.082.716.000 đồng.

- Năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải H chưa nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu 03-1A/TNDN nên chưa có cơ sở để kết luận số thuế TNDN còn phải nộp cho ngA sách nhà nước và số tiền thuế trốn.

Thuế giá trị gia tăng còn chưa khấu trừ hết do đó chưa phát sinh số thuế GTGT phải nộp. Chưa dẫn đến thiếu thuế giá trị gia tăng cho ngA sách nhà nước. Không xác định số tiền thuế GTGT đã trốn ..”

- Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án:

Quá trình kiểm tra hành chính tại Văn phòng Công ty Ht tại Mỏ đá T, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai đã thu giữ 01 (một) CPU, loại HP (đã qua sử dụng); 03 (ba) máy tính xách tay, loại HP và 01 (một) máy tính xách tay, loại DELL (đã qua sử dụng); 27 (hai mươi bảy) thùng tài liệu; 04 (bốn) điện thoại di động của Công ty Cổ phần Vận tải Ht.

01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax, số máy MGCH3LL/A, số seri G0NFN9WN0D41 bên trong chứa sim 0916.667.766 (đã qua sử dụng) của Tiết Ngọc Hòa;

01 (một) điện thoại Samsung S22Ultra, số seri R5CT33WE2VH (đã qua sử

dụng) và 01 (một) điện thoại Iphone 12 Promax, số seri F2LFDCFS0D41 (đã qua sử dụng) của Trần Thị Ái A;

01 (một) điện thoại di động Iphone, số seri F2LXP3BRKPHH trong chứa sim số 0907366466 (đã qua sử dụng) của Lê Văn H;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, số sim 0397463343 của Lê NhA D.

Ngày 09/01/2025 và ngày 31/3/2025, bị cáo Tiết Ngọc H nộp tổng số tiền là 1.102.716.000 đồng để khắc phục hậu quả.

- Về trách nhiệm dA sự:

Năm 2023, các bị cáo Tiết Ngọc H, Trần Thị Ái A và Lê Văn H đã trốn Thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền là 1.082.716.000 đồng. Bị cáo Tiết Ngọc H đã nộp tổng số tiền là 1.102.716.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Ngày 27/3/2025, Công ty Ht kê khai thuế bổ sung đối với số tiền 4.331.690.000 đồng đã xuất bán hàng hóa năm 2024 và nộp bổ sung thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2024.

- Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả hành vi của các bị cáo.

- Tại Cáo trạng số 28/CT-VKS-HS ngày 23/7/2025 Viện kiểm sát nhA dA tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Tiết Ngọc H, Trần Thị Ái A, Lê Văn H, về tội “Trốn Thuế”, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhA dA khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Tiết Ngọc H, Trần Thị Ái A, Lê Văn H về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 200; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 58 BLHS, xử phạt tiền đối với Tiết Ngọc H với mức phạt từ 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) đến 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Áp dụng điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 200; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 58 BLHS, xử phạt tiền đối với Lê Văn H với mức phạt từ 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) đến 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Áp dụng điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 200; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 58, Điều 54 BLHS, xử phạt tiền đối với Trần Thị Ái A với mức phạt từ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đến 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dA sự: Áp dụng Điều 46,

Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc các bị cáo Tiết Ngọc H và Lê Văn H bồi thường cho nhà nước số tiền 1.085.716.000 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng).

Tịch thu sung vào ngA sách nhà nước 03 điện thoại di động các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; Trả lại cho Trần Thị Ái A 01 chiếc điện thoại di động A không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; tiếp tục tạm giữ số tiền 1.102.716.000 đồng (một tỷ, một trăm linh hai triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi của các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhA dA tỉnh Đồng Nai đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Công ty Cổ phần Vận tải Ht (địa chỉ: Số 12/6A, Khu phố 1, phường TA Mai, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, nay là phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai) do Tiết Ngọc H là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trần Thị Ái A là Kế toán tổng hợp. Quá trình kinh doanh khoáng sản (đất) tại Mỏ đá T thuộc phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), từ tháng 2/2023 đến tháng 12/2023, Tiết Ngọc H, Trần Thị Ái A đã bàn bạc, cấu kết cùng với Lê Văn H (là người hợp tác kinh doanh với Tiết Ngọc H) không ghi chép sổ sách kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không xuất hóa đơn hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế, nhận thanh toán vào tài khoản cá nhA, không kê khai, báo cáo thuế đối với hàng hóa trị giá là 5.413.580.000 đồng (năm tỷ, bốn trăm mười ba triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng). Theo Kết luận giám định tư pháp số 04/KL-CCTKV.XV-DON ngày 21/3/2025 của Giám định viên tư pháp – Chi cục thuế khu vực XV đã xác

định: “- *Số tiền thuế TNDN năm 2023 đã trốn là 1.082.716.000 đồng*”. Sau đó, Tiết Ngọc H và Lê Văn H chia nhau số tiền là 1.082.716.000 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng) để chia nhau hưởng lợi. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của nhau và phù hợp với tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trốn Thuế”, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về quản lý thuế cho Nhà nước mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật NH các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm giáo dục bị cáo thành công dA tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3.2] Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Tiết Ngọc H trực tiếp điều hành doanh nghiệp, chỉ đạo kế toán Trần Thị Ái A để ngoài sổ sách, không kê khai, báo cáo thuế và hưởng lợi từ hành vi trốn thuế, là người thỏa thuận với Lê Văn H về việc trốn thuế, giữ vai trò chính; Lê Văn H là người hợp tác với Tiết Ngọc H, hưởng lợi từ hành vi trốn thuế và tham gia với vai trò là người thực hành tích cực. Trần Thị Ái A là nhA viên kế toán, không được hưởng lợi từ hành vi trốn thuế NH vẫn giúp sức cho Tiết Ngọc H, Lê Văn H trong việc để ngoài sổ sách kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không xuất hóa đơn hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế, nhận thanh toán vào tài khoản cá nhA, không kê khai, báo cáo thuế đối với hàng hóa, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Do đó, mức án của bị cáo H phải phải cao hơn bị cáo H và bị cáo A; mức án của bị cáo H thấp hơn bị cáo H NH phải cao hơn bị cáo A.

[3.3] Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra các bị cáo đã nộp đầy đủ số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra các bị cáo có nhA thA tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo H đang điều trị bệnh viêm cột sống và trong quá trình công tác được tặng giấy khen của địa phương là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 35 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét

thấy quyết định áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[3.4] Đối với bị cáo A phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm giúp sức và không được hưởng lợi ích. Ngoài ra bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo A là phù hợp.

[3.5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra các bị cáo đã nộp đầy đủ số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả đây là tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo tự nguyện ra đầu thú, có nhA thA tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo H đang điều trị bệnh viêm cột sống và trong quá trình công tác được tặng giấy khen của địa phương là tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, số seri DX3FG7UEN736 của anh Lê NhA D. Do không liên quan đến việc phạm tội nên ngày 27/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSKT) Công an tỉnh Đồng Nai trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[6.2] Đối với 01 (một) CPU, loại HP (đã qua sử dụng); 03 (ba) máy tính xách tay, loại HP và 01 (một) máy tính xách tay, loại DELL (đã qua sử dụng); 27 (hai mươi bảy) thùng tải liệu; 04 (bốn) điện thoại di động của Công ty Cổ phần Vận tải Ht. Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai chuyển xử lý hành chính, đã quyết định trả lại các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trên cho Công ty Cổ phần Vận tải Ht là phù hợp.

[6.3] Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax, số máy MGCH3LL/A, số seri G0NFN9WN0D41 bên trong chứa sim 0916.667.766 (đã qua sử dụng) của bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngA sách Nhà nước.

[6.4] Đối với 01 (một) điện thoại Iphone 12 Promax, số seri F2LFDCFS0D41 của bị cáo A sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngA sách Nhà nước.

[6.5] Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone Xsmax, số seri F2LXP3BRKPHH trong chứa sim số 0907366466 của bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngA sách Nhà nước.

[6.6] Đối với 01 (một) điện thoại Samsung S22Ultra, số seri R5CT33WE2VH (đã qua sử dụng) của bị cáo A không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[6.6] Đối với số tiền 1.102.716.000đ (một tỷ, một trăm linh hai triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng), bị cáo H đã nộp khắc phục hậu quả. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dA sự: Đối với số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo là 1.085.716.000đ (một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng), cần phải tịch thu sung vào ngA sách Nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Đối với ông Lê NhA D làm thuê cho Tiết Ngọc H không có hợp đồng lao động, được trả công bằng tiền mặt 10.000.000 đồng/tháng. Quá trình điều tra xác định hành vi của D không có dấu hiệu của tội phạm nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8.2] Đối với bà Bùi Thị N là nhA viên kế toán thuế của Công ty Cổ phần Vận tải Ht nH làm việc từ xa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Tiết Ngọc H và Trần Thị Ái A tập hợp và cung cấp. Quá trình điều tra xác định hành vi của N không có dấu hiệu của tội phạm nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[9] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 35; (Điều 54 áp dụng đối với bị cáo A) Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: Các bị cáo Tiết Ngọc H, Lê Văn H và Trần Thị Ái A phạm tội “Trốn Thuế”.

Xử phạt:

Bị cáo Tiết Ngọc H số tiền là 1.600.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Bị cáo Lê Văn H số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng).

Bị cáo Trần Thị Ái A số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Về trách nhiệm dA sự: Buộc bị cáo Tiết Ngọc H và bị cáo Lê Văn H nộp số tiền 1.085.716.000 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng) để sung vào ngA sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu sung vào ngA sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số sêri MGCH3LL/A, số seri G0NFN9WN0D41; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Promax, số seri F2LFDCFS0D41 (đã niêm phong); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax số seri F2LXP3BRKPHH.

3.2. Trả lại cho bị cáo Trần Thị Ái A 01 (một) điện thoại Samsung S22 Ultra, số seri R5CT33WE2VH.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/8/2025 giữa bên giao là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai và Phòng Thi hành án dA sự khu vực 1 – Đồng Nai.

3.3. Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.102.716.000đ (một tỷ, một trăm linh hai triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Theo biên lai thu tiền số 0000211 ngày 26/8/2025 và biên lai thu tiền số 0007423 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dA sự tỉnh Đồng Nai

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND KV 1 – Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS KV 1 – Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THS.

Nguyễn Mạnh Tuấn